

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 04/2020/DS-PT

Ngày 03-3-2020

“V/v tranh chấp lỗi đi chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Th1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Ông Nguyễn T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện K sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - K sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp lỗi đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Và bà Phạm Thị C, sinh năm 1967. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương. Theo giấy ủy quyền ngày 19/6/2019. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng L1, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Và bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1963. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương. Theo giấy ủy quyền ngày 19/11/2019. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B - Phó chủ tịch UBND xã M, huyện L. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1964; Vắng mặt

+ Ông Vũ Văn Tr, sinh năm 1957; Vắng mặt

+ Ông Phạm Văn N, sinh năm 1965; Vắng mặt

+ Cụ Nguyễn Thị D, 82 tuổi; Vắng mặt

+ Cụ Phạm Thị T1, sinh năm 1932. Vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương.

4. Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và B bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị C đồng thời là người được nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H ủy quyền trình bày: Vợ chồng bà có thửa đất số 291, tờ bản đồ số 1, diện tích 381,9m² tại thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương đã được UBND huyện L, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/11/2005. Theo bản đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hình thể thửa đất thì cạnh phía tây thửa đất của gia đình bà giáp đường đi của xóm, cạnh phía đông giáp đường quốc lộ 38B. Trong quá trình sử dụng gia đình bà có mở lối đi phía trước (cạnh phía đông) của thửa đất ra ngoài đường quốc lộ 38B, cạnh phía tây thửa đất của gia đình bà giáp đường là lối đi chung của các gia đình trong xóm sử dụng để đi lại. Thời gian gần đây gia đình bà có nhu cầu mở lối đi từ thửa đất của gia đình bà đi ra ngoài đường xóm nhưng gia đình ông L1, bà L2 ngăn cản không cho đi, sau đó gia đình ông L1 bà L2 đã xây tường, lắp cổng sắt, xếp gạch chặn lại không cho gia đình bà mở lối đi ra. Bà đã đề nghị ra UBND xã M giải quyết nhưng gia đình ông L1, bà L2 không nhất trí cho gia đình bà được đi chung vào lối đi này. Do xác định lối đi thuộc đất tập thể do nhà nước quản lý không nằm trong diện tích đất ở của gia đình ông L1, bà L2 nên bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình bà L2 phải thu dọn nguyên vật liệu tại khu vực cổng nhà bà để cho gia đình bà được mở lối đi ra đường đi của xóm. Nếu gia đình bà L2 có yêu cầu gia đình bà phải đóng góp tiền để tôn tạo lối đi này, gia đình bà cũng nhất trí.

Tại bản tự khai của bị đơn ông Nguyễn Trọng L1 và bà Nguyễn Thị L2 giao nộp cho Tòa án ngày 25/6/2019, ngoài bản tự khai này ra trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông L1, bà L2 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có quan điểm nào khác. Tại bản tự khai cũng như tại

phiên tòa sơ thẩm bà L2 đồng thời là người được ông L1 ủy quyền trình bày quan điểm không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông H, bà C với lý do lối đi vợ chồng bà đang sử dụng là lối đi riêng của gia đình, lối đi này được hình Th1 cách đây trên 60 năm và do gia đình bà tôn tạo nâng cấp mới có được, từ trước đến nay gia đình ông H không sử dụng lối đi này nên không tôn tạo đóng góp gì. Trong khi gia đình ông H đã có lối đi riêng ở phía trước thửa đất ra đường quốc lộ 38B, hiện gia đình ông H đã xây quán cho thuê bán hàng. Nay vợ chồng ông H lại đòi được đi vào lối đi riêng của gia đình nhà bà là không có căn cứ nên vợ chồng bà không chấp nhận cho vợ chồng ông H được đi vào lối đi này nên không nhận bất cứ khoản tiền đóng góp tôn tạo và cũng không có yêu cầu gì đối với gia đình ông H, bà C về việc đóng góp tôn tạo lối đi này.

Quan điểm của UBND xã M trình bày: Lối đi hiện gia đình ông H và gia đình ông L1 đang tranh chấp được hình Th1 từ lâu. Căn cứ bản đồ 299 cũng như bản đồ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo vẽ năm 2005 thì lối đi này là đường đi công cộng trong khu dân cư được sử dụng làm lối đi chung cho các hộ gia đình trong xóm, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bất kỳ một hộ gia đình nào nên gia đình ông H cũng được quyền đi vào lối đi này để vào thửa đất của gia đình ông H. Việc các gia đình trong xóm sử dụng lối đi chung trước đây đã có công sức tôn tạo, nâng cấp để có lối đi như hiện nay, do gia đình ông H trước đây chưa đi lối này nên chưa đóng góp cùng các gia đình trong xóm, nay gia đình ông H có nhu cầu được sử dụng lối đi chung thì gia đình ông H sẽ có trách nhiệm tự thỏa thuận cùng với các gia đình trong xóm về việc đóng góp kinh phí tôn tạo lối đi chung.

Lời khai của bà Phạm Thị Th (vợ ông Phạm Văn K) trình bày lối đi hiện gia đình ông H và gia đình ông L1 đang tranh chấp, nguồn gốc của lối đi này trước đây có ba gia đình trong xóm sử dụng từ nhiều năm nay, gồm gia đình ông Ó (là bố ông L1), gia đình ông Đ (bố ông K) và gia đình ông Tr. Quá trình sử dụng lối đi chỉ có ba gia đình đóng góp, tôn tạo, phần diện tích lối đi này là các gia đình tự bỏ một phần diện tích đất để làm lối đi chung chứ không phải đất của tập thể. Bà Th xác định do gia đình bà C đã có lối đi ở phía trước của thửa đất nên nếu gia đình ông L1 và gia đình ông Tr không nhất trí cho gia đình ông H sử dụng lối đi này thì gia đình bà cũng không nhất trí.

Lời khai của ông Vũ Văn Tr trình bày: Nguồn gốc lối đi hiện gia đình ông H và gia đình ông L1 đang có tranh chấp là đất của tập thể, các gia đình đang sử dụng lối đi này gồm có gia đình ông, gia đình ông Ó, gia đình ông L1, gia đình ông Th1 (ông L1, ông Th1 là con ông Ó do ông Ó tách thửa) gia đình ông Đ, gia đình ông K (ông Đ tách thửa cho con là ông K) gia đình ông C1 (ông C1 mua đất của gia đình bà Đ), thời gian những năm trước đây gia đình ông D1 (bố ông H) cũng đi lối đi này. Lối đi này để sử dụng chung cho các gia đình trong xóm, không nằm trong diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình nào. Quá trình sử dụng lối đi này trước đây các gia đình cùng có công sức chở đất, gạch vụn về tôn tạo lối đi, nhưng cũng chưa gia đình nào phải bỏ tiền ra đóng góp tôn tạo gì. Thời gian khoảng năm 2008 gia đình ông N ở đầu ngõ có thỏa thuận với các gia đình trong xóm về việc hoán đổi một phần đất đầu ngõ xóm để

gia đình ông N sử dụng, gia đình ông N có trách nhiệm bỏ tiền ra tôn tạo đồ bê tông toàn bộ lối đi này, còn phần rãnh thoát nước là do gia đình ông bỏ tiền ra làm tài trợ cho xóm, do vậy để có con đường bê tông như hiện nay các gia đình trong xóm không phải đóng góp gì. Ông Tr xác định lối đi gia đình ông H và gia đình ông L1 đang có tranh chấp là lối đi chung, thuộc đất tập thể do UBND xã M quản lý nên gia đình ông H được quyền sử dụng lối đi này, nếu như sau này xóm tiếp tục nâng cấp sửa sang tôn tạo lối đi thì gia đình ông H cũng phải có nghĩa vụ đóng góp cùng với các gia đình trong xóm.

Lời khai của bà Nguyễn Thị D trình bày: Lối đi gia đình ông H và gia đình ông L1 đang có tranh chấp được hình Th1 từ lâu, lối đi này cũng không nằm trong diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng của gia đình bà, các gia đình sử dụng lối đi này đã nhiều lần phải nâng cấp tôn tạo còn cụ thể chi phí bao nhiêu bà không biết.

Lời khai của bà Phạm Thị T1 trình bày: Lối đi hiện gia đình ông H, gia đình ông L1 đang có tranh chấp, nguồn gốc do gia đình bà mua ruộng để mở lối đi, trước đây lối đi thấp trũng nên gia đình bà phải gánh đất đổ cao lên, sau đó có gia đình bà Đ, gia đình bà Cống, gia đình ông Tr cũng đi lối này. Quá trình sử dụng gia đình bà có tôn tạo từ cổng của gia đình bà ra đến cổng nhà bà Đ còn từ cổng nhà bà Đ ra đến ngoài đường nhựa là do các gia đình đi chung lối đi tôn tạo, công sức, vật liệu bỏ ra cụ thể bao nhiêu bà không tính được. Vì gia đình ông H đã có lối đi riêng ở phía trước thửa đất và từ trước đến nay cũng không đóng góp công sức gì để tôn tạo lối đi nên gia đình bà không nhất trí cho gia đình ông H đi lối đi này.

Lời khai của ông Phạm Văn N trình bày: Lối đi hiện gia đình ông H, gia đình ông L1 đang có tranh chấp được hình Th1 từ lâu, do gia đình ông ở đầu ngõ nên trực tiếp đi ra đường quốc lộ 38 B, do đó gia đình ông cũng không thường xuyên lối đi này để đi lại, trước đây lối đi trũng thấp các gia đình ở bên trong xóm sử dụng lối đi cũng phải nhiều lần tôn tạo bằng gạch vỡ, đất. Thời gian năm 2011 đường quốc lộ 38B nâng cấp, do thửa đất của gia đình ông bị một phần đầu ngõ đi cắt qua ở phía trước, để cho các gia đình trong ngõ có lối đi vào thuận lợi cũng như thửa đất của gia đình ông cũng được vuông vắn nên ông có thỏa thuận với các hộ gia đình trong xóm đang sử dụng lối đi, để cho gia đình ông sử dụng một phần lối đi đầu ngõ, gia đình ông có trách nhiệm bỏ tiền ra làm toàn bộ đường bê tông từ đầu ngõ cho đến cổng nhà bà Đ, toàn bộ chi phí hết khoảng 30 triệu đồng, không gia đình nào trong xóm phải đóng góp gì, do có việc hoán đổi đất lối đi nên số tiền ông bỏ ra làm đường bê tông, ông cũng không có yêu cầu đề nghị gì. Từ khi ông bỏ tiền ra làm đường bê tông đến nay hiện trạng vẫn giữ nguyên chưa có thay đổi sửa chữa gì thêm.

Lời khai của người làm chứng ông Phạm Quốc T2 trình bày: Thời gian khoảng năm 2011, ông Phạm Văn N có thuê ông đổ con đường từ đầu ngõ giáp đường 38B đến cổng nhà bà Đ, toàn bộ nguyên vật liệu do ông N mua, ông N là người trực tiếp thanh toán trả tiền công cho ông. Trước khi đổ bê tông ông N còn mua cát đổ lên một lớp sau đó mới đổ bê tông lên, độ dày trung bình của mặt bê tông tầm khoảng 15cm.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS - ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hải Dương. Áp dụng Điều 163, 164, 169, 191 Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị C.

Xác định diện tích lối đi 105,8m²; địa chỉ thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương là lối đi chung (đường công cộng) thuộc quyền quản lý của UBND xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương. Gia đình ông Nguyễn Trọng H, bà Phạm Thị C được quyền mở lối đi từ thửa đất của gia đình ông H đi ra đường công cộng.

Buộc ông Nguyễn Trọng L1 và bà Nguyễn Thị L2 di chuyển toàn bộ tài sản tại vị trí cổng thửa đất của gia đình ông H, bà C tại thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương, để gia đình ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị C mở lối đi từ thửa đất đất số 291, tờ bản đồ số 01 đi ra lối đi chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm dân sự, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị L2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không nhất trí cho gia đình ông Nguyễn Trọng H, bà Phạm Thị C mở cổng làm lối đi chung vì gia đình ông H đã có lối đi riêng; đề nghị Tòa án thẩm định lối đi riêng của gia đình ông H, bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn, người kháng cáo bà Nguyễn Thị L2 trình bày: bà giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H, bà C và xác định lối đi vợ chồng bà đang sử dụng là lối đi riêng của gia đình bà, lối đi này do ông cha mua và gia đình bà tôn tạo nâng cấp mới có được, từ trước đến nay gia đình ông H không sử dụng lối đi này nên không tôn tạo đóng góp. Gia đình ông H đã có lối đi riêng ở phía trước thửa đất ra đường quốc lộ 38B, hiện gia đình ông H đã xây quán cho thuê bán hàng. Nay vợ chồng ông H đòi được đi vào lối đi riêng của gia đình bà, bà không đồng ý. Bà không yêu cầu Tòa án thẩm định lối đi riêng của gia đình ông H, bà C.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày: không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, gia đình bà có nhu cầu mở lối đi từ thửa đất của gia đình đi ra ngoài đường xóm. Đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, HĐXX, Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của TAND huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định nên kháng cáo là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà L2, HĐXX xét thấy:

Lỗi đi gia đình ông H, bà C và gia đình ông L1, bà L2 đang tranh chấp được hình Th1 từ lâu, lỗi đi này các hộ gia đình trong xóm sử dụng làm lối đi chung để đi lại. Bà L2 cho rằng cách đây hơn 60 năm bố mẹ bà mua đất của cụ Tam, người thôn Đông Hào, xã M và mua của cụ Khai để làm đường đi. Sau đó gia đình bà Đ cũng mua đất đến ở và làm đường đi, thủ tục mua bán chỉ bằng miệng, không làm thủ tục sang tên và cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc trình bày của bà L2 hoàn toàn không có căn cứ. Hơn nữa gia đình bà Đ, gia đình ông Tr là các hộ sử dụng đất nhiều năm khẳng định lối đi này được sử dụng làm lối đi chung từ nhiều năm nay và diện tích đất này không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bất cứ hộ gia đình nào.

UBND xã M cũng xác định lối đi này là đất tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã M, lối đi này được hình Th1 từ lâu, khi Nhà nước thực hiện chính sách quản lý đất đai thể hiện trên bản đồ 299, bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều thể hiện lối đi này là đất giao thông công cộng dành cho các hộ gia đình trong xóm sử dụng để đi lại, không nằm trong diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bất kỳ gia đình nào. Các hộ gia đình trong xóm được quyền sử dụng mở lối đi từ bất động sản của mình ra đường công cộng để đi lại.

Ông L1, bà L2 đều xác định diện tích lối đi này không nằm trong diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình.

Xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện L cấp cho ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị C ngày 26/01/2005 thì thửa đất có cạnh phía tây dài 12,3m giáp với đường xóm phù hợp với bản đồ cấp giấy chứng nhận của UBND xã. Tại Điều 254 Bộ luật dân sự quy định lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được coi là thuận tiện hợp lý nhất. Gia đình ông H do hình thể thửa đất mặc dù đã mở lối đi ở phía trước (phía đông) thửa đất ra đường quốc lộ 38B, nhưng gia đình ông vẫn muốn mở lối đi ra đường xóm ở phía sau thửa đất (cạnh phía tây) bám mặt đường xóm để đi lại thuận tiện trong sinh hoạt. Việc ông H mở lối đi từ thửa đất của gia đình mình ra đường công cộng của xóm không làm ảnh hưởng gì đến công trình cũng như việc đi lại vào thửa đất của gia đình ông L1, bà L2. Mặt khác pháp luật cũng không cấm chủ sở hữu bất động sản chỉ được quyền mở một lối đi duy nhất vào bất động sản của mình.

Tại phiên tòa, bà L2 không đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định lối đi riêng của gia đình ông H, bà C. Hơn nữa nội dung kháng cáo này của bà L2 vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết. Nên HĐXX không xem xét yêu cầu này của bà L2.

[3] Từ các phân tích trên, xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng pháp luật, đánh giá chứng cứ đầy đủ và xác định lối đi hiện đang có tranh chấp là lối đi chung, đường đi công cộng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã M, huyện L, chủ sở hữu bất động sản liền kề với lối đi này gia đình ông H và bà C được quyền mở lối đi ra đường công cộng, không ảnh hưởng gì đến thửa đất của chủ sở hữu bất động sản liền kề gia đình ông L1, bà L2 nên cần buộc vợ chồng ông L1, bà L2 thu dọn toàn bộ tài sản gia đình ông L1, bà L2 đặt tại vị trí phần công thửa đất của gia đình ông H, bà C để gia đình ông H, bà C được mở lối đi ra đường xóm (đường công cộng) là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình thêm căn cứ gì mới để chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 20/2019 của TAND huyện L, tỉnh Hải Dương.

[4] Về án phí: Nội dung kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hải Dương.

□p dụng Điều 163, 164, 169, 191 Điều 254 Bộ luật dân sự; Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị C.

Xác định diện tích lối đi 105,8m²; địa chỉ thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương là lối đi chung (đường công cộng) thuộc quyền quản lý của UBND xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương. Gia đình ông Nguyễn Trọng H, bà Phạm Thị C được quyền mở lối đi từ thửa đất của gia đình ông H đi ra đường công cộng.

Buộc ông Nguyễn Trọng L1 và bà Nguyễn Thị L2 di chuyển toàn bộ tài sản tại vị trí công thửa đất của gia đình ông H, bà C tại thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương, để gia đình ông Nguyễn Trọng H và bà Phạm Thị C mở lối đi từ thửa đất đất số 291, tờ bản đồ số 01 đi ra lối đi chung.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng L1 và bà Nguyễn Thị L2 phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm tranh chấp dân sự. Hoàn trả ông Nguyễn Trọng H bà Phạm Thị C số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí theo B lai thu tiền số 0003691 ngày 17/6/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Bà Nguyễn Thị L2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo B lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008642 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Hải Dương.

3. Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 03/3/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự,;
- Lưu hồ sơ vụ án. Lưu Tòa, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trường